TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2022/HC-ST
Ngày: 31-3-2022
V/v *"Kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi,bồi thường đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Lài

2. Ông Hoàng Minh Mạnh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Đại Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa***: Bà Trương Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 156/2021/TLST- HC ngày 27/12/2021, về việc khởi kiện *"Quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi và bồi thường đất đai"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 3 năm 2022, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 16/2022/QĐST-HC ngày 31/3/2022; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông T.H.Q, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số 176/40/23 T.C.Đ, Phường 3, thành phố V, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông N.V.N, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 403 đường B.G, phường N.A.N, thành phố V, tỉnh B.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố V;

Địa chỉ: Số 89 đường L.T.K, Phường 1, thành phố V, tỉnh B;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà H.T.T.Ng - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V.

(Ông N.V.N, bà H.T.T.Ng đều có mặt; đương sự khác vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc đất: Gia tộc bà N.T.B khai phá và sử dụng trước năm 1975 (có họa đồ vị trí do Trưởng Ty Điền địa ký ngày 17/10/1973, đến năm 1992, bà N.T.B đã chuyển nhượng phần đất 21m^2 cho bà T.K.P bằng giấy viết tay ngày 27/4/1992. Bà T.K.P làm đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân (UBND) Phường 3 xác nhận năm 1994 (hiện trạng trên đất có nhà cấp 4, xây dựng cuối năm 1992 do bà T.K.P xây để ở, có biên lai đóng thuế nhà đất hàng năm (có đơn xác nhận thời điểm xây dựng nhà của những người sống lâu năm, khu phố, tổ dân phố, UBND Phường 3 thành phố V xác nhận). Đến ngày 10/8/2015 bà T.K.P viết giấy tay, hợp đồng sang nhượng nhà đất cho ông T.H.Q sử dụng ổn định đến nay, không tranh chấp.

Ngày 28/12/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7261/QĐ-UBND về việc thu hồi 22m^2 đất của ông bà T.H.Q (mua giấy tay từ bà T.K.P) tại Phường 3 để thực hiện dự án đường T.N nối dài thành phố V.

Cùng ngày 28/12/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7275/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông bà T.H.Q (mua giấy tay từ bà T.K.P), địa chỉ số 176/40/23 T.C.Đ, Phường 3 để thực hiện dự án đường T.N nối dài thành phố V (Gọi tắt là *Quyết định số 7275*).

Quyết định số 7275 là không đúng quy định của pháp luật, vì: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 100; điểm b khoản 5 Điều 24; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 6, điểm a Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất ở quy định như sau: Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND cấp Tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư.

Vì vậy, Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 7275. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường cho ông T.H.Q theo giá trị đất ở đối với diện tích 22m^2 đất tại thửa đất số 1310, tờ bản đồ số 02 cũ tại Phường 3, thành phố V khi thu hồi đất thực hiện dự án đường T.N (nối dài); đồng thời cấp cho ông T.H.Q 01 lô đất tái định cư theo quy định để ổn định cuộc sống.

[2] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày:

Ngày 28/12/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi đất số 7261/QĐ-UBND và Quyết định số 7275/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) T.H.Q (mua giấy tay từ bà T.K.P)

do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường T.N (nối dài), thành phố V, theo đó UBND thành phố đã bồi thường diện tích 22,0m^2 đất thu hồi theo giá đất nông nghiệp.

Ngày 04/01/2021, ông T.H.Q nhận tiền bồi thường, theo Quyết định số 7275/QĐ-UBND ngày 28/12/2020.

Không đồng ý, ngày 18/01/2021, ông T.H.Q có đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND thành phố V thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 20/01/2021. Tuy nhiên, ngày 16/3/2021, ông T.H.Q có đơn tự nguyện xin rút toàn bộ nội dung khiếu nại. Do đó, ngày 24/3/2021, Chủ tịch UBND thành phố V có Quyết định số 1758/QĐ-UBND đình chỉ giải quyết khiếu nại ông T.H.Q.

Ngày 20/10/2021, ông T.H.Q có đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND thành phố V thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 11817/QĐ-UBND ngày 25/10/2021. Ngày 23/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố V có Quyết định số 13330/QĐ-UBND đình chỉ giải quyết khiếu nại ông T.H.Q do ông T.H.Q rút đơn.

Qua rà soát hồ sơ bồi thường, thể hiện diện tích 22,0m^2 đất của ông (bà) T.H.Q đang khởi kiện đã được UBND thành phố V bồi thường theo giá đất nông nghiệp, bởi lý do sau:

- Diện tích 22,0m^2 đất thu hồi có nguồn gốc ông T.H.Q nhận chuyển nhượng từ bà T.K.P ngày 10/8/2015 bằng giấy viết tay, chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, với diện tích 42,0m^2. Tại đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất được UBND Phường 3 xác nhận ngày 10/9/1994 (kèm theo Biên bản xác minh nguồn gốc đất), thể hiện thửa đất thuộc thửa 1310 (cũ) tờ bản đồ số 2 (cũ) có nguồn gốc của gia tộc bà N.T.B chuyển cho B sử dụng từ năm 1950. Năm 1992 bà B chuyển cho bà T.K.P và P.T.V.H.

- Tại Sổ mục kê ruộng đất Phường 3 lập ngày 01/01/1992, UBND thành phố V duyệt y ngày 20/8/1994, thửa 1310 (cũ) tờ bản đồ số 2 (cũ), diện tích 40,0m^2 loại đất "T", không có tên người sử dụng đất. Sổ đăng ký đất không có tên, thửa 1310.

Tại hồ sơ bồi thường do người sử dụng đất cung cấp, ngoài giấy viết tay, đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất được UBND Phường 3 xác nhận ngày 10/9/1994 (kèm theo Biên bản xác minh nguồn gốc đất), người sử dụng đất không cung cấp được các chứng cứ chứng minh về mục đích làm nhà ở theo quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP để chứng minh việc sử dụng vào mục đích đất ở trước ngày 15/10/1993 và sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004. Do đó, việc UBND thành phố bồi thường 22,0m^2 đất thu hồi theo giá đất nông nghiệp theo Điều 75, Điều 77 Luật đất đai là đúng quy định.

Trường hợp, người sử dụng đất cung cấp được các chứng cứ chứng minh về mục đích làm nhà ở theo quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP để chứng minh việc sử dụng vào mục đích đất ở trước ngày 15/10/1993 và sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, được bồi thường đất ở theo hiện trạng sử dụng đất được quy định tại điểm a khoản 1, Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (được bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ) và người sử dụng đất đóng tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Do đó, việc ông T.H.Q yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 7275, buộc UBND thành phố V bồi thường cho ông T.H.Q theo giá trị đất ở đối với phần diện tích 22,0m^2 thuộc thửa 1310 (cũ) tờ bản đồ số 2 (cũ), Phường 3, thành phố V khi thu hồi đất thực hiện dự án đường T.N (nối dài), thành phố V là không có cơ sở theo quy định pháp luật như đã nêu ở trên.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Xét về nội dung: Đất ông T.H.Q khởi kiện có nguồn gốc do gia tộc của bà N.T.B khai phá và sử dụng trước năm 1975 được xác định vị trí tại họa đồ của Ty điền địa ngày 17/10/1973. Năm 1992, bà B chuyển nhượng phần diện tích đất 42m^2 cho bà T.K.P và bà P.T.V.H được UBND Phường 3 xác nhận ngày 19/4/1994 và Biên bản xác minh nguồn gốc đất số 123/BB-ĐC ngày 10/7/1994. Tại biên bản này cũng xác nhận hiện trạng sử dụng đất là làm nhà ở. Hồ sơ địa chính Phường 3 tại Sổ Mục kê đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt năm 1995 ghi nhận: phần diện tích đất nêu trên thuộc thửa đất số 1310, tờ bản đồ số 02, diện tích 40,0m^2 loại đất "T" không có người kê khai.

Tại đơn xin xác nhận thời điểm xây dựng nhà của ông Q thì UBND Phường 3 xác nhận bà P có xây dựng nhà cấp 4 vào năm 1992.

Bà P mua lại của bà B và được UBND Phường 3 xác nhận sử dụng trước năm 1993, nên diện tích đất trên đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai. Đồng thời, thửa đất trên có nhà ở được xây dựng trước năm 1993 và nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở của thành phố V nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì

toàn bộ diện tích 22m^2 đất mà ông Q mua lại của bà P và sử dụng ổn định phải được công nhận là đất ở.

Ông Q hiện phải di chuyển chỗ ở và không đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở trên địa bàn thành phố V (công văn số 3796 ngày 01/9/2021) nên căn cứ Điều 86 Luật Đất đai năm 2013, điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì ông Q được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư.

Yêu cầu xác định lại đất ở và cấp đất tái định cư của ông Q là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính chấp nhận một phần yêu cầu của ông Q về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 7275/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; phần diện tích đất 22m^2 và cấp tái định cư.

- Buộc UBND thành phố V bồi thường cho ông T.H.Q theo giá trị đất ở đối với phần diện tích 22m^2 tại phần thửa đất số 1310, tờ bản đồ số 02 cũ, tọa lạc tại phường 3, thành phố V khi thu hồi đất thực hiện dự án đương T.N (nối dài), thành phố V. Đồng thời yêu cầu cấp cho ông T.H.Q 01 lô đất tái định cư theo quy định.

Án phí: Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Người bị kiện được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Ông T.H.Q khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 7275/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (Gọi tắt là *Quyết định số 7275*); Yêu cầu buộc UBND thành phố V bồi thường cho ông Q theo giá đất ở đối với diện tích bị thu hồi; đồng thời yêu cầu cấp cho ông T.H.Q 01 lô đất tái định cư theo quy định để ổn định cuộc sống.

Xét thấy, các yêu cầu trên là đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 16/11/2021, ông T.H.Q nộp đơn khởi kiện với Quyết định số 7275 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4] Thẩm quyền ban hành các quyết định: Quyết định số 7275 được ban hành đúng quy định Luật Đất đai năm 2013.

[5]: Về nội dung:

[5.1] Nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất:

Gia tộc bà N.T.B khai phá và sử dụng hơn 12.000m^2 đất trước năm 1975 (có họa đồ vị trí do Trưởng Ty Điền Địa ký ngày 17/10/1973, đến năm 1992, bà N.T.B đã chuyển nhượng một phần đất 42m^2 cho bà P.T.V.H và bà T.K.P sử dụng để ở, có xác nhận của UBND Phường 3 vào ngày 19/7/1994. Trong phần đất chuyển nhượng thì bà T.K.P sử dụng 22m^2. Bà T.K.P sử dụng ổn định liên tục để ở từ năm 1992 đến ngày 10/8/2015 bà T.K.P viết giấy tay sang nhượng nhà đất cho ông T.H.Q sử dụng ổn định đến nay, không tranh chấp.

Tại Sổ mục kê ruộng đất Phường 3 lập ngày 01/01/1992, UBND thành phố V duyệt y ngày 20/8/1994, thửa 1310 (cũ) tờ bản đồ số 2 (cũ), diện tích 40,0m^2 loại đất "T", không có tên người sử dụng đất. Sổ đăng ký đất không có tên, thửa 1310.

[5.2] Yêu cầu xác định lại 22m^2 đất ở đã thu hồi của ông T.H.Q.

Xét thấy: Năm 1992, bà P và bà H nhận chuyển nhượng đất từ bà N.T.B diện tích 42m^2 thửa đất số thửa 1310 (cũ) tờ bản đồ số 2 (cũ), thành phố V, sau đó bà H và bà P đã làm nhà để ở năm 1992 là phù hợp với Biên bản xác minh nguồn gốc đất do UBND Phường 3 lập ngày 10/7/1994 có nội dung: "Hiện trạng sử dụng: ***Làm nhà ở***" và Xác nhận của UBND Phường 3 lập ngày 19/7/1994 có nội dung: "Nguồn gốc của gia tộc bà N.T.B là ông N.Q.K - ông K chuyển cho bà B năm 1950. ***Năm 1992*** *bà B chuyển T.K.P và P.T.V.H* ***ở đến nay*** không xảy ra tranh chấp". Trên đất đã có nhà ở nên phù hợp với Sổ mục kê ruộng đất do UBND Phường 3 lập tháng 01/1992 kê khai đất thửa số 1310, tờ bản đồ số 02 diện tích 40m^2, loại đất "T" (Thổ cư). Các chứng cứ trên là khách quan, bởi vì bà P (ông Q) không thể biết sau này 28 năm (từ năm 1992 đến năm 2020) thì đất bị thu hồi để làm đường T.N (nối dài).

Các chứng cứ trên phù hợp với Đơn xin xác nhận thời điểm xây nhà của bà T.K.P với những người cư trú cùng thời điểm bà P sử dụng đất, có bà N.T.M.Nh, P.T.V.H, Tổ trưởng Tổ 7 Khu phố 3, Trưởng khu phố 3 và UBND Phường 3 xác nhận ngày 08/11/2021 là bà T.K.P có xây dựng nhà cấp 4, năm 1992.

Từ các chứng cứ trên, khẳng định bà T.K.P nhận chuyển nhượng đất từ bà B và xây nhà cấp 4 năm 1992, sử dụng ổn định, đến năm 2015 bà P chuyển nhượng cho ông T.H.Q sử dụng làm nhà ở, nhà đất không tranh chấp, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, toàn bộ diện tích đất ông Q bị thu hồi 22m^2 được xác định là đất ở theo điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ như sau:

" *1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất **có nhà ở**, công trình xây dựng khác từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp sử dụng đất; việc sử dụng đất tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn hoặc quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi chung là quy hoạch) hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đã sử dụng đất từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:*

a) Đối với thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức công nhận đất ở quy định tại Khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai (sau đây gọi là hạn mức công nhận đất ở) thì toàn bộ diện tích thửa đất được công nhận là đất ở.".

Căn cứ Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B thì diện tích đất ông Q bị thu hồi 22m^2 trong hạn mức được xác định là đất ở.

[5.3] Người bị kiện cho rằng căn cứ xác nhận của UBND Phường 3, thì bà P xây nhà năm 1996; việc UBND Phường 3 xác nhận có nhà năm 1996 là không phù hợp với các chứng cứ trên. Nếu cho rằng nhà bà P xây năm 1996 thì cũng phải được bồi thường đất ở theo điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

[5.4] Về yêu cầu cấp đất tái định cư: Tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định:

"a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư;".

Do đất ông Q bị thu hồi là đất ở, đồng thời ông Q không có nhà ở đất ở nào khác trên địa bàn Phường 3, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ thì ông Q đủ điều kiện được bồi

thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư; nên yêu cầu này của ông Q là có căn cứ chấp nhận.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T.H.Q hủy một phần Quyết định số 7275 liên quan đến 22m^2 đất bị thu hồi, để xác định là đất ở và cấp đất tái định cư cho ông Q, là có căn cứ như phân tích và nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát.

[7] Từ phân tích, nhận định trên và quan điểm của Viện kiểm sát; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T.H.Q hủy một phần Quyết định số 7275 liên quan đến 22m^2 đất bị thu hồi, để Ủy ban nhân dân thành phố V xác định là đất ở và cấp đất ở hoặc nhà ở tái định cư theo quy định pháp luật.

[8] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông T.H.Q không phải nộp; Người bị kiện phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng: Điều 75, Điều 79 Luật đất đai năm 2013; Điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T.H.Q:

- Hủy một phần Quyết định số 7275/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V (Phần A: Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất; phần G: Tái định cư) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông (bà) T.H.Q, địa chỉ số 176/40/23 T.C.Đ, Phường 3 thành phố V do Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đường T.N (nối dài), thành phố V.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ xác định lại diện tích 22m^2 đất thu hồi tại phần thửa đất số 1310, tờ bản đồ số 02, tại Phường 3, thành phố V là đất ở (thu hồi đất để thực hiện dự án đường T.N (nối dài), thành phố V) để bồi thường, hỗ trợ và giải quyết đất tái định cư cho ông T.H.Q theo đúng quy định pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông T.H.Q không phải nộp. Ủy ban nhân dân thành phố V phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Đức Thiện